

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/01/2026**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTC1+RC10+RC3	7:25	11+4+7	0+0+0		6+9+7	0+0+0	
2		TD1+P2	7:25	16+6	0+0		15+7	0+0	
3		P2	7:25	22	0		22	0	
4		BK5+RP2	9:25	4+18	0+0		2+19	0+0	
5		TD2+TD5	9:25	10+12	0+0		9+13	0+0	chuyen 1 tđ2-td5
6		TD5+P11	9:25	7+15	0+0		5+17	0+0	chuyen 1 tđ5-p11
7		TD2+CLO	11:25	6+16	0+0		5+17	0+0	
8		TD3+CLO	11:25	18+4	0+0		16+6	0+0	chuyen 1 tđ3-clo
9		BK5+BK8+CTC1	13:45	7+10+4	0+0+0		4+5+9	0+0+0	
10		RP2+RC3+BK6	13:45	17+1+4	0+0+0		13+4+5	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
1/ Đi về trong ngày BK5-2ng, RC3-3ng, CTC1-5ng, Rp2-1ng



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: CAM-1	TO: CTC1 - RC10 - RC3	CREW: VTHẮNG - N.ANH - VŨ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/0397	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN THỊ THUY DUYỀN	CTC1	12	1	2			60	D-HANH	Vietnamese
2	PHAN HỮU THAI	CTC1						68	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI VĂN NINH	CTC1						75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH VŨ	CTC1	24	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN VĂN ĐỨC	CTC1	15	1	2			70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN BÌNH LONG	CTC1	13-14	2	15	2	30	70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUNG HIỆU	CTC1	17	1	8			87	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN VĂN LÝ	CTC1	18	1	10			79	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI SĨ HIỆU	CTC1	16	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG KHOA	CTC1	10	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN HOÀNG SANG	CTC1	11	1	13			93	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TẤT THANH*	RC10	74	1	6	1	10	62	KH-THAC	Vietnamese
13	TẠ VĂN VIỆT	RC10	76	1	8	1	20	80	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM TRUNG KIẾN	RC10						68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH SƠN	RC10	75	1	6			68	PSV	Vietnamese
16	VŨ VĂN TOÀN	RC3	19	1	3			72	D-HANH	Vietnamese
17	VŨ LÊ TRUNG	RC3	25	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN CẢNH TÂN	RC3						66	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH HOÀ	RC3						92	NIPi	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG TÂN	RC3	22-23	2	11			65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGÔ KHÁNH NAM	RC3	20-21	2	16			81	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN HAI VIỆT	RC3	24	1	8			92	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTC1	11	805	10	66	2	30	6		
2	RC10	4	278	3	20	2	30	9		
3	RC3	7	535	7	43	0	0	7		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.618</b>	<b>20</b>	<b>129</b>	<b>4</b>	<b>60</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.618</b>		<b>129</b>		<b>60</b>			

GRAND TOAL: 1.807 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỤC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

NGHIÊM VIỆT ANH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: VANG-1	TO: TD1 - P2	CREW: VIỆT - M.ĐỨC - XTRƯỜNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/0401	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ TRỌNG LƯỢNG	TD1	06	1	5	2	40	64	KHOAN	Vietnamese
2	HOÀNG VĂN NAM	TD1	98	1	9			84	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ QUỐC BẢO	TD1	03	1	3			66	KHOAN	Vietnamese
4	MAI VĂN HỘI	TD1						75	KHOAN	Vietnamese
5	HOÀNG ANH TUẤN	TD1	97	1	7			81	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN ANH	TD1	500	1	8			82	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN PHÚ	TD1	02	1	3			85	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐĂNG LAM	TD1	04	1	5			64	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TRƯỜNG DƯƠNG	TD1	96	1	6			96	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN MINH HOÀNG	TD1	01	1	3			75	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ BA PHƯƠNG	TD1	07-08	2	10			75	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN MẠNH TIỆP	TD1	05	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ VĂN NGỌC	TD1						75	PSV	Vietnamese
14	ĐẬU ĐỨC HÙNG	TD1	99	1	7			71	PSV	Vietnamese
15	DOBOV A. V	P2	12	1	6			95	KH-THAC	Russian
16	DƯƠNG XUÂN ĐIỆP	P2	11	1	5			48	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THÈ ANH	P2	06-07	2	8			69	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM QUỐC HIỀN	P2	05	1	3			57	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG MINH ĐỨC	P2	10	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐOÀN NGUYỄN BẢO CHÂU	P2	08	1	3			55	KH-THAC	Vietnamese
21	HOÀNG VĂN CONG	P2	09	1	5			56	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	14	1.063	13	70	2	40	15		
2	P2	7	443	8	33	0	0	7		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.506</b>	<b>21</b>	<b>103</b>	<b>2</b>	<b>40</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.506</b>		<b>103</b>		<b>40</b>			

GRAND TOAL: 1.649 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGUYỄN MINH ĐỨC



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: TRANG-1	TO: P2	CREW: ĐỨC - KHANH - ĐANG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/0405	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LUƠNG XUÂN THAI	P2	87	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM NGUYỄN HOÀNG PHÚC	P2	88	1	4			87	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐỨC HUY	P2	96	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN TRỌNG PHONG*	P2	95	1	7			75	YTE	Vietnamese
5	VŨ VĂN HIỆU	P2	79	1	3			57	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VĂN ĐÔNG	P2	85	1	2			80	KH-THAC	Vietnamese
7	K LING*	P2	89	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC DŨ	P2	600	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ HỮU LINH	P2	81-82	2	9			91	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐOÀN VĂN DŨ	P2	97-98	2	8			73	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN VƯỢNG	P2	86	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN KHAI	P2	84	1	8			73	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN PHONG	P2	76	1	8			59	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN KHÁC CĂN	P2	93	1	11			68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU HÀ	P2	92	1	8			53	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HIỆU	P2	83	1	7			84	KH-THAC	Vietnamese
17	TÀNG MẠNH HÀ	P2	77-78	2	12			72	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN QUYÊN	P2	80	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH PHÚC	P2	99	1	6			49	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ NGỌC DŨNG	P2	94	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
21	TÔ QUỐC THỊNH*	P2	90-91	2	13			56	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK	
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO			
				PCS	WT	PCS	WT		
1	P2	21	1.462	25	141	0	0	22	
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.462</b>	<b>25</b>	<b>141</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22</b>	
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.462</b>		<b>141</b>		<b>0</b>		

GRAND TOAL: 1.603 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC

TRẦN ĐỨC KHANH

3 pax mang theo đồ phòng



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: BK5 - RP2	CREW: VTHẮNG - N.ANH - VŨ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/0398	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOANG ANH TU	BK5				3	45	77	D-HANH	Vietnamese
2	HOANG ĐÌNH QUÊ	BK5	77	1	9			90	KH-THAC	Vietnamese
3	THAI HAI HA	BK5	16	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN QUANG THANG	BK5						76	KH-THAC	Vietnamese
5	KHALIMOV A.A.	RP2	77	1	10	3	50	94	KH-THAC	Russian
6	ĐÌNH XUÂN GIANG	RP2	13	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	RP2	16-17	2	4			67	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN CÔNG HOÀNG	RP2	04	1	9			65	KH-THAC	Vietnamese
9	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	03	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	RP2	01-02	2	12			87	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN KHƯƠNG	RP2	14	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN LÊ MINH TUẤN	RP2	07	1	12			99	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN NGỌC CHÍNH	RP2						72	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM XUÂN KHOA	RP2	18	1	12			66	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI KHÁC HOÀNG	RP2	19-20	2	20			62	YTE	Vietnamese
16	VŨ TIẾN NGỌC	RP2						84	DK9	Vietnamese
17	NGUYỄN ANH ĐỨC	RP2	05-06	2	13			55	PVCHEM	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN DŨNG	RP2	09-10	2	16			60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN DUY HÙNG	RP2	08	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN THIÊN PHƯỚC	RP2	78	1	9			72	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	15	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
22	DUƠNG CÔNG PHỤNG	RP2	11-12	2	20			74	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK5	4	305	2	14	3	45	2		
2	RP2	18	1.317	22	166	3	50	20		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.622</b>	<b>24</b>	<b>180</b>	<b>6</b>	<b>95</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.622</b>		<b>180</b>		<b>95</b>			

GRAND TOAL: 1.897 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

NGHIÊM VIỆT ANH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: <i>Vang L</i>	TO: TD2 - TD5	CREW: QVIỆT - M.ĐỨC - XTRƯỜNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 5	VNHS FLIGHT: TM26/0402		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VANEEV DMITRIY	TD2	74	1	16			103	KHOAN	Russian
2	GROMOV SERGEY	TD2	75	1	10			85	KHOAN	Russian
3	BUI HUU HONG	TD2	82	1	3			85	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN THANH TUYEN	TD2	81	1	8	3	50	80	KHOAN	Vietnamese
5	DOAN VAN HUNG	TD2	80	1	5			54	KHOAN	Vietnamese
6	BUI TRUNG THO	TD2						68	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN THANH TUNG	TD2	79	1	10			53	KHOAN	Vietnamese
8	ĐANG VAN THUC	TD2	77-78	2	12			74	KHOAN	Vietnamese
9	TRUONG ĐUC MẠNH	TD2	83	1	14			78	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ PHU*	TD2	76	1	6	3	28	65	KHOAN	Vietnamese
11	ĐO VAN HUNG	TD5	34	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
12	BAO NGUYEN LOC*	TD5	36	1	3			60	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ VAN HIEN	TD5	33	1	8			77	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM VAN LUAN	TD5	29	1	2			60	KHOAN	Vietnamese
15	TRINH ANH TRUONG	TD5	51	1	5			67	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN PHUNG QUÊ	TD5	30	1	2			71	KHOAN	Vietnamese
17	ĐO VAN TOAN	TD5	35	1	4			63	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN CÔNG HUNG	TD5	28	1	8			72	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN HIEN	TD5	38	1	5	2	40	61	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN TRUONG THIEN	TD5	39	1	11			83	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN TRUNG KIEN	TD5	32	1	8			76	KHOAN	Vietnamese
22	VUONG KIEN QUOC	TD5	37	1	10			77	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	10	745	10	84	6	78	9+1		CHUYEN 1 PAX TD2-TD5
2	TD5	12	843	12	70	2	40	13		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.588</b>	<b>22</b>	<b>154</b>	<b>8</b>	<b>118</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.588</b>		<b>154</b>		<b>118</b>			

GRAND TOAL: 1.860 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGUYỄN MINH ĐỨC



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:00
B.CARD: TRANG-2	TO: TD5 - P11	CREW: ĐỨC - KHANH - ĐANG	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/0406	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LƯU ĐÌNH TRỌNG	TD5	17	1	15			79	DVL	Vietnamese
2	TRẦN VĂN HIỆP	TD5	14-15	2	18			76	DVL	Vietnamese
3	LÊ VĂN THĂNG	TD5	19	1	12			78	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HIẾU *	TD5	13	1	10	3	60	87	DVL	Vietnamese
5	LƯU BA XÔ	TD5	20-21	2	16			81	DVL	Vietnamese
6	ĐỖ HOÀI THANH	TD5	16	1	5			72	DVL	Vietnamese
7	LÊ VĂN LỢI	TD5	18	1	7			58	PSV	Vietnamese
8	BUI VAN CHINH	P11	11	1	4			86	KHOAN	Vietnamese
9	BUI NGOC LAM	P11	03	1	7			71	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN MINH HIẾU	P11	01	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
11	VÔ VĂN HÙNG	P11	06	1	7			70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TẤN PHƯỚC	P11	08	1	7	2	35	61	KHOAN	Vietnamese
13	KHUẤT QUANG KIẾN	P11	14	1	5			69	KHOAN	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN MẢO	P11	13	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
15	TELESHENKO IVAN	P11	02	1	20			99	KHOAN	Russian
16	NGUYỄN HUY HÙNG	P11	05	1	7			69	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN QUỐC TUẤN	P11						67	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	P11	09-10	2	14			78	KHOAN	Vietnamese
19	PHAN TUẤN LONG	P11	12	1	6			68	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ TIẾN DUNG	P11	04	1	3			69	KHOAN	Vietnamese
21	ĐINH THIÊN TÙNG	P11	15-16	2	13			77	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TRƯỜNG SINH	P11	07	1	8			72	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	7	531	9	83	3	60	5+1	CHUYEN 1 PAX TD5-P11	
2	P11	15	1.104	16	111	2	35	17		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.635</b>	<b>25</b>	<b>194</b>	<b>5</b>	<b>95</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.635</b>		<b>194</b>		<b>95</b>			

GRAND TOAL: 1.924 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC  
TRẦN ĐỨC KHANH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: TD2 - CLO	CREW: HUNG - SON - THANH	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/0399	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN DUY KHANH	TD2	90	1	6			59	KHOAN	Vietnamese
2	NGO QUANG HUNG	TD2	93	1	14			78	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN DONG	TD2	91	1	11			63	KHOAN	Vietnamese
4	DOAN HIEU	TD2	93	1	12			71	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC THACH	TD2	95	1	6			60	D-HANH	Vietnamese
6	NGUYEN TUAN	TD2	92	1	4			67	PSV	Vietnamese
7	VOROBYEV SERGEY	CLO	19	1	4	1	15	101	KHOAN	Russian
8	DATSKO PAVEL	CLO	17-18	2	13	1	2	112	KHOAN	Russian
9	NGUYEN VAN LOC	CLO	50	1	9			74	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN TUAN ANH	CLO	20	1	7			76	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN CONG TAM	CLO	44	1	2			69	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN HUU SON	CLO	47	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN THANH BINH	CLO	48	1	7			77	KHOAN	Vietnamese
14	DO THANH LIEM	CLO	21	1	8			62	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN BUI QUANG	CLO	46	1	6			71	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN TUNG DUONG	CLO	24	1	6			58	ANTOAN	Vietnamese
17	FOK S.I.	CLO	22	1	8			125	KHOAN	Russian
18	SOTRIVEX IGOR	CLO	49	1	8			105	KHOAN	Russian
19	PAVLYCHEV VLADIMIR	CLO	16	1	5			85	KHOAN	Russian
20	BUI TRUNG HIEU	CLO	27	1	9			88	KHOAN	Vietnamese
21	QUACH THE ANH	CLO	45	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
22	DOAN MINH HUONG	CLO	23,25	2	13			61	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	6	398	6	53	0	0	5		
2	CLO	16	1,299	18	115	2	17	17		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1,697</b>	<b>24</b>	<b>168</b>	<b>2</b>	<b>17</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1,697</b>		<b>168</b>		<b>17</b>			

GRAND TOAL: 1.882 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG  
PHẠM THÁI SON





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: TD3 - CLO	CREW: KHOAN - NPHU - MUAN	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM26/0403	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN HAI	TD3	42	1	9			79	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN TRUNG HOA	TD3	38	1	10			75	KHOAN	Vietnamese
3	OVCHARENKO SERGEI	TD3	30-31	2	15			96	KHOAN	Russian
4	DOAN QUANG BAC	TD3	39	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
5	DO DUY CHINH	TD3	35	1	6			73	KHOAN	Vietnamese
6	LAI THE DAT	TD3	48-49	2	15	5	100	91	KHOAN	Vietnamese
7	BUI CONG SON	TD3	36-37	2	5			71	KHOAN	Vietnamese
8	LE VAN LY*	TD3	34	1	8			60	KHOAN	Vietnamese
9	DO MINH HAI	TD3	40	1	7			72	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM TRUONG ANH	TD3	43	1	7			91	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HUNG	TD3	41	1	6			78	KHOAN	Vietnamese
12	BUI XUAN CUONG	TD3	50-51	2	9			64	KHOAN	Vietnamese
13	VU TIEN DUNG	TD3						71	KHOAN	Vietnamese
14	LE XUAN THANG	TD3	44	1	10	1	12	80	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN THUAN	TD3	46-47	2	17			75	KHOAN	Vietnamese
16	DO XUAN CHINH	TD3	28-29	2	11			66	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VAN TIEN	TD3	32-33	2	10			54	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VIET TRIEU	TD3	27	1	4			75	PSV	Vietnamese
19	LE MINH PHUONG	CLO	51-52	2	15			61	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN DUY DONG	CLO	53	1	3			67	PSV	Vietnamese
21	TRAN VAN TRI	CLO	06	1	7			78	PSV	Vietnamese
22	VU VAN THAM	CLO	54	1	4			59	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	18	1.339	24	152	6	112	16	1	CHUYEN 1 PAX TD3-CLO
2	CLO	4	265	5	29	0	0	6		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.604</b>	<b>29</b>	<b>181</b>	<b>6</b>	<b>112</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.604</b>		<b>181</b>		<b>112</b>			

GRAND TOAL: 1.897 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI HANG

CREW

DO XUAN HOAN  
DAO NGOC PHU



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
B.CARD: CAM-4	TO: BK5 - BK8 - CTC1	CREW: HUNG - SON - THANH	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 09		VNHS FLIGHT: TM26/0400	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRAN TRONG SON	BK5	56	1	7			85	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI TRAN VIET	BK5	57	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN DAI NGHIA	BK5	58	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG NGOC LAN	BK5	54	1	13			78	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN SOAI	BK5	55	1	9			85	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG NGOC TAN	BK5	53	1	9			63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HUU NGHIEM	BK5	59	1	8			57	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN TAT HOA	BK8	95	1	8	1	20	77	KH-THAC	Vietnamese
9	OPARIN A.A	BK8	94	1	8			75	KH-THAC	Russian
10	HOANG SY NGOC	BK8	03	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THANH HAI	BK8	96	1	11			107	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN THANH SON	BK8	71-72	2	9			63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN CONG TRI	BK8	97-98	2	15			93	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HOANG MINH	BK8	65	1	9	5	24	72	CODIEN	Vietnamese
15	ĐẶNG TUẤN ANH	BK8	66	1	3			89	CODIEN	Vietnamese
16	BUI ĐẶC CẢNH	BK8	700	1	5			67	PSV	Vietnamese
17	TẠ HỒNG GIANG	BK8	99	1	4			64	PSV	Vietnamese
18	TRẦN TRỌNG MẠNH	CTC1	22	1	10			59	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM BUI ĐÌNH LỘC	CTC1	23-24	2	13			87	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN ĐỨC THIỆN	CTC1	26	1	6			75	PSV	Vietnamese
21	VAN ĐÌNH TÙNG	CTC1	25	1	6			70	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK5	7	507	7	58	0	0	4		
2	BK8	10	775	12	78	6	44	5		
3	CTC1	4	291	5	35	0	0	9		
TOTAL		21	1.573	24	171	6	44	18		
WEIGHT KG			1.573		171		44			

GRAND TOAL: 1.788 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BUI THI HIEN LUONG

CREW

LÊ QUÝ HUNG  
PHẠM THÁI SƠN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:35
B.CARD: TRANG-4	TO:RP2 - RC3 - BK6	CREW: XHOÀN - NPHÚ - MQUÂN	ETA: 16:25
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM26/0404	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LÊ TRƯỜNG CHINH	RP2	28	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ HỮU QUAN	RP2	41	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
3	LUƠNG NGỌC THANH	RP2	40	1	5	1	20	100	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT NHƯỞNG	RP2	26	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ LAM	RP2	25	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ HOÀNG LONG*	RP2	37	1	14			89	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ HOÀNG CẨM	RP2	29	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	35	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
9	HOÀNG TUẤN CƯỜNG	RP2	39	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	27	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN NGỒN QUANG DUY	RP2	33	1	13			92	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN HỢP	RP2	30	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
13	LÀ NGỌC MẠNH	RP2	34	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN HÙNG	RP2	36	1	8			69	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TRUNG (1975)*	RP2	32	1	10			80	PSV	Vietnamese
16	LÊ HOÀI NAM	RP2	31	1	5			58	PSV	Vietnamese
17	VŨ VĂN TUẤN TU	RP2	38	1	9			71	PSV	Vietnamese
18	ĐỖ QUANG KHAI	RC3	26-27	2	16			92	PSV	Vietnamese
19	LÊ NGỌC AN*	BK6	27	1	11			79	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ HUY TIÊN HAI	BK6	24	1	7	1	20	70	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN CÔNG THANH*	BK6	25-26	2	15			82	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN ĐÌNH QUANG	BK6	23	1	5			70	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	17	1.215	17	114	1	20	12		
2	RC3	1	92	2	16	0	0	4		
3	BK6	4	301	5	38	1	20	5		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.608</b>	<b>24</b>	<b>168</b>	<b>2</b>	<b>40</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.608</b>		<b>168</b>		<b>40</b>			

GRAND TOAL: 1.816 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

ĐÀO NGỌC PHÚ